

Tỉnh Hải Dương
Huyện Thanh Hà
Xã Thanh Thủy

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5,906,071,000	1,081,831,253	18
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	160,000,000	76,030,100	48
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	1,849,000,000	30,483,404	1.65
3	Thu bổ sung	3,897,071,000	974,967,750	25
	- Thu bổ sung cân đối	3,897,071,000	974,267,750	25
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	700,000	
4	Thu chuyển nguồn	0	0	
5	Thu kết dư		349,999	
II	TỔNG SỐ CHI	5,906,071,000	2,103,569,879	36
1	Chi đầu tư phát triển	1,500,000,000	0	0
2	Chi thường xuyên	4,302,071,000	2,103,569,879	49
3	Dự phòng	104,000,000		0
		0		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (QUÝ IV)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5,906,071	5,906,071	1,081,481	1,081,481	0	18
I	Các khoản thu 100%	160,000	160,000	76,030	76,030	0	48
	Phí, lệ phí	48,000	48,000	7,591	7,591	0	16
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	90,000	90,000	57,940	57,940	1	64
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0		0			
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0		1,500	1,500		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0		0			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0		0			
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0		0			
	Thu khác	22,000	22,000	9,000	9,000	0	41
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,849,000	1,849,000	30,483	30,483	0	2
1	Các khoản thu phân chia	308,000	308,000	29,511	29,511	0	10
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50,000	50,000	9,194	9,194	0	18
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0		0			
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8,000	8,000	0	0	0	0
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	250,000	250,000	20,317	20,317	0	8
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,541,000	1,541,000	972	972	0	0
	Thuế GTGT	25,000	25,000	648	648	0	3
	Thuế TNCN	16,000	16,000	324	324	0	2
	Thu tiền sd đất	1,500,000	1,500,000	0		0	0
	...	0		0			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0		0			
IV	Thu chuyển nguồn	0		0			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0					
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3,897,071	3,897,071	974,968	974,968	0	25
	- Thu bổ sung cân đối	3,897,071	3,897,071	974,268	974,268	0	25
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0		700	700		

Tỉnh Hải Dương
Huyện Thanh Hà
Xã Thanh Thủy

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: Ngìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (QUÝ IV)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	5,906,071	1,500,000	4,406,071	2,103,570	296,273	1,807,297	36	20	41
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	12,382		12,382	176,273	176,273	0	0	0	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0			0		
3	Chi y tế	12,382		12,382	0		0	0		
4	Quốc phòng	200,000		200,000	69,472		69,472	35		35
5	An ninh	147,910		147,910	51,600		51,600	35		35
6	Chi văn hóa, thông tin	15,000		15,000	0		0	0		0
7	Chi phát thanh, truyền thanh	49,244		49,244	45,244		45,244	92		92
8	Chi thể dục thể thao	20,000		20,000	0		0	0		0
9	Chi bảo vệ môi trường	30,000		30,000	29,600		29,600	99		99
10	Chi các hoạt động kinh tế	45,000		45,000	129,971	120,000	9,971	289		22
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,971,724	1,500,000	3,471,724	1,517,308		1,517,308	31		44
12	Chi cho công tác xã hội	298,429		298,429	84,102		84,102	28		28
13	Chi khác	0			0					
14	Dự phòng ngân sách	104,000		104,000	0			0		0